

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2018/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số ...../...../ND-CP ngày ..... tháng ..... năm .... sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động;*

*Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về:

1. Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn (sau đây gọi chung là sản phẩm, hàng hóa nhóm 2) thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Mã hàng hóa (HS) đối với Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh, sử dụng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, đánh giá chứng nhận sự phù hợp các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **Điều 3: Nguyên tắc chung**

1. Việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

2. Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, việc quản lý chất lượng được thực hiện theo các tiêu chuẩn trích dẫn tại Thông tư này cho đến khi có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

### **Điều 4. Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội**

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (chi tiết tại Phụ lục kèm theo Thông tư này).

2. Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 sẽ được soát xét sửa đổi, bổ sung tùy thuộc vào yêu cầu quản lý.

### **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2018.

2. Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 quy định tại Thông tư này thay thế Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 quy định tại Thông tư số 03/2010/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **Điều 6. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục An toàn lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Danh mục theo yêu cầu quản lý.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ LĐTBXH;
- Các đơn vị có liên quan thuộc Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Cục ATLD (30 bản).

**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Ngọc Dung**

**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA NHÓM 2 THUỘC TRÁCH NHIỆM  
QUẢN LÝ CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BLĐTBXH ngày tháng năm  
2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

STT	TÊN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ HS	QUY CHUẨN/ TIÊU CHUẨN	VĂN BẢN ĐIỀU CHỈNH	BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
1.	Các loại ống chịu áp lực (trừ ống dẫn khí đốt)	7304	- QCVN 22: 2015/BLĐTBXH	Thông tư số 49/2015/TT-BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
		7305	- TCVN 6008:2010; - TCVN 7742:2007;		
		7306	- TCVN 8022-1:2009		
2.	chai chứa khí nén có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)	7311	- QCVN 01: 2008/BLĐTBXH	Quyết định số 64/2008/QĐ-BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
3.	Pa lăng điện, tời điện	8425	- QCVN 7: 2012/BLĐTBXH - QCVN 13: 2013/BLĐTBXH	Thông tư số 05/2012/TT-BLĐTBXH Thông tư số 37/2013/TT-BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
4.	Palăng kéo tay, tời tay có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên	8425	- QCVN 7: 2012/BLĐTBXH	Thông tư số 05/2012/TT-BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
5.	Bàn nâng, sàn nâng	8425	- QCVN 12: 2013/BLĐTBXH	Thông tư số 36/2013/TT-BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
6.	Phương tiện bảo vệ đầu (Mũ an toàn công nghiệp)	6506.10 6506.10.20 6506.10.30	- QCVN 06: 2012/BLĐTBXH - TCVN 6407:1998; - TCVN 2603:1987	- Thông tư số 04/2012/TT - BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
7.	Phương tiện bảo vệ mắt, mặt (Kính	3926.90.42	- TCVN 5082:1990;	Thông tư số 49/2016/ TT-	Kiểm tra nhà nước về chất

STT	TÊN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ HS	QUY CHUẨN/ TIÊU CHUẨN	VĂN BẢN ĐIỀU CHỈNH	BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
	chống bức xạ hồng ngoại, bức xạ, tia Ronghen, phóng xạ; Kính hàn, mặt nạ hàn)	9004.90	- TCVN 5039:1990; - QCVN 27: 2016/BLĐTBXH - QCVN 28: 2016/BLĐTBXH	BLĐTBXH - Thông tư số 50/2016/ TT- BLĐTBXH	lượng trước khi thông quan
8.	Phương tiện bảo vệ cơ quan hô hấp (Khẩu trang, mặt nạ và bán mặt nạ lọc bụi; Khẩu trang, mặt nạ và bán mặt nạ lọc hơi khí độc)	9020.00.00	- QCVN 08: 2012/BLĐTBXH - QCVN 10: 2012/BLĐTBXH	- Thông tư số 07/2012/ TT- BLĐTBXH - Thông tư số 25/2012/TT - BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
9.	Phương tiện bảo vệ thân thể (Quần áo chống cháy, chống chất phóng xạ, chống hóa chất)	6211	- TCVN 6693:2000; - TCVN 6694:2010; - TCVN 6875:2010; - TCVN 6876-1,2:2010; - TCVN 6877:2001; - TCVN 6878:2007; - TCVN 7205:2002; - TCVN 7617:2007; - TCVN 7618:2007 - TCVN 6880:2001; - TCVN 6691:2007; - TCVN 6692:2007; - TCVN 6881:2007; - TCVN 9547:2013		Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
10.	Phương tiện bảo vệ tay (Găng tay chống đâm thủng, cửa rách, chống cháy, cách điện, chống hóa chất)	6116.10.90 6216.00.10 3926.20.60	- TCVN 8838-1,2,3:2011 - TCVN 7616:2007 - QCVN 24: 2014/BLĐTBXH	- Thông tư số 37/2014/TT - BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
11.	Phương tiện bảo vệ chân (Giày chống đâm thủng, cửa rách, va đập, hóa	6405.90.00	- TCVN 6412:2009; - TCVN 7651:2007; - TCVN 7652:2007;	- Thông tư số 39/2013/TT - BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan

STT	TÊN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ HS	QUY CHUẨN/ TIÊU CHUẨN	VĂN BẢN ĐIỀU CHỈNH	BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
	chất; Ứng cách điện)		- TCVN 7653:2007; - TCVN 7654:2007 - TCVN 8197:2009 - TCVN 7544:2005; - TCVN 7545:2005 - QCVN 15: 2013/BLĐTBXH		
12.	Các phương tiện bảo vệ cá nhân khác (Dây đai an toàn; Hệ thống chống rơi ngã cá nhân)	4205.00.20	- QCVN 23: 2014/BLĐTBXH	- Thông tư số 36/2014/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng trước khi thông quan
13.	Nồi hơi có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar; Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115°C có áp suất làm việc nhỏ hơn 16 bar	8402 8403.10.00 7305 7306	- QCVN 01: 2008/BLĐTBXH - TCVN 7704:2007; TCVN 5346:1991.	Quyết định số 64/2008/QĐ- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
14.	Bình, bồn, bể (xi téc) có áp suất làm việc định mức nhỏ hơn 16 bar (không kể áp suất thủy tĩnh)	7311	- QCVN 01: 2008/BLĐTBXH	Quyết định số 64/2008/QĐ- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
15.	Hệ thống lạnh	8415	- QCVN 21: 2015/BLĐTBXH - TCVN 6104- 1,2,3,4:2015;	Thông tư số 50/2015/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
16.	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng nâng từ 1.000kg trở lên (Trừ các loại xe nâng hàng có tham gia giao thông)	8427	- QCVN 25: 2015/BLĐTBXH	Thông tư số 51/2015/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan

STT	TÊN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ HS	QUY CHUẨN/ TIÊU CHUẨN	VĂN BẢN ĐIỀU CHỈNH	BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
17.	Xe nâng người (Trừ các loại xe nâng người có tham gia giao thông)	8705.90.90	- QCVN 20: 2015/BLĐTBXH	Thông tư số 48/2015/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
18.	Cần trục (Trừ các loại cần trục lắp đặt trên các phương tiện có tham gia giao thông)	8426	- QCVN 7: 2012/BLĐTBXH - QCVN 29: 2016/BLĐTBXH	Thông tư số 05/2012/TT- BLĐTBXH Thông tư số 51/2016/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
19.	Cần trục và công trục	8426	- QCVN 7: 2012/BLĐTBXH - QCVN 30: 2016/BLĐTBXH	Thông tư số 05/2012/TT- BLĐTBXH; Thông tư số 52/2016/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
20.	Vận thăng	8428.10	- QCVN 16: 2013/BLĐTBXH	Thông tư số 40/2013/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
21.	Thang máy	8428.10 8428.20	QCVN: 02/2011/BLĐTBXH; QCVN 18: 2013/BLĐTBXH; QCVN 26: 2016/BLĐTBXH	Thông tư số 08/2011/TT- BLĐTBXH; Thông tư số 42/2013/TT- BLĐTBXH; Thông tư số 48/2016/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
22.	Thang cuốn; Băng tải chở người	8428.40.00	- QCVN 11: 2012/BLĐTBXH	Thông tư số 32/2012/TT- BLĐTBXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan
23.	Sàn biểu diễn di động; Các thiết bị vui chơi: Tàu lượng, đu quay mang theo người	8428 9506.90.90 9506.99.00	- QCVN 7:2012/BLĐTBXH - QCVN 19: 2014/BLĐTBXH	- Thông tư số 35/2014/TT- BLĐTBXH - Thông tư số	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi

STT	TÊN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA	MÃ HS	QUY CHUẨN/ TIÊU CHUẨN	VĂN BẢN ĐIỀU CHỈNH	BIỆN PHÁP QUẢN LÝ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
	lên cao từ 2m trở lên, tốc độ di chuyển của người từ 3m/s so với sàn cố định trừ các phương tiện thi đấu thể thao			05/2012/TT- BLĐT BXH	thông quan
24.	Hệ thống cáp treo chờ người	8428 9506.90.90 9506.99.00	- QCVN 7:2012/BLĐT BXH - QCVN 19: 2014/BLĐT BXH	- Thông tư số 35/2014/TT- BLĐT BXH - Thông tư số 05/2012/TT- BLĐT BXH	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sau khi thông quan